

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-02-2021

V/v “tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Nguyễn Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại **trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Kim T** (tên gọi khác: T), sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh;

Tạm trú: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H (tên gọi khác: U), sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- **Chị Nguyễn Kim T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H quen biết nhau một thời gian, sau đó được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 12 tháng 6 năm 2014. Thời gian đầu chị và anh H chung sống hạnh phúc nhưng cách đây khoảng 06 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H đi làm công nhân ở công ty Việt Nam - Mộc Bài, anh H bận công việc và có xin nghỉ ở nhà một ngày và chị có

giận và nói anh H đi làm cứ xin nghỉ hoài và trong lúc nóng giận, ba ruột anh H là ông Nguyễn Văn C thấy chị như vậy có lớn tiếng la chị một tiếng là “mày sống không được thì đi”. Chị từ lúc về sống chung với anh H giữa chị và bên gia đình anh H thường xuyên mâu thuẫn và có lời qua tiếng lại với nhau. Chị cũng đã chịu đựng được một thời gian dài, chị có về tâm sự với anh H nhưng anh H không chịu nghe chị nói, sau khi xảy ra mâu thuẫn với ba chồng vào khoảng tháng 9 năm 2020 chị đã bỏ về nhà ba mẹ ruột ở ấp B, xã A sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh H không có gặp nhau để hòa giải hàn gia đình, nay sức chịu đựng của chị đã vượt quá giới hạn, chị không sống chung với anh H được nữa, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 19/6/2016 và Nguyễn Ngọc Linh D, sinh ngày 19/3/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn – Anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T

- Về con chung: Theo lời khai của chị T là đúng, anh thống nhất giao con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh H không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Kim T. cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu T và cháu D cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh H không phải chịu án phí

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2014 nên hôn nhân của chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo chị T mâu thuẫn phát sinh là do anh H đi làm công ty Việt nam - Mộc Bài thường xuyên xin nghỉ, không lo làm ăn chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Quá trình xác minh cho thấy, việc anh H thường xuyên nghỉ làm là có, hiện tại cả hai anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên nghỉ làm, không lo làm ăn chăm sóc vợ con, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ ngày ly thân đến nay, chị T và anh H không có giải pháp đoàn tụ, tiếp tục cuộc hôn nhân này. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T

[3] Về con chung: Chị T và anh H xác định có hai con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 19/6/2016 và Nguyễn Ngọc Linh D, sinh ngày 19/3/2020. Từ ngày ly thân cháu T, cháu D sống với chị T. Xuất phát từ lợi ích của cháu T, cháu D nên việc giao cháu T, cháu D cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là

phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim T đối với anh Nguyễn Văn H

Chị T được ly hôn với anh H

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 19/6/2016 và Nguyễn Ngọc Linh D, sinh ngày 19/3/2020 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0014436 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tâm

